

Số: 6 5 /TB-ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Luật khóa 37 (2023- 2025)
(Đợt 2)

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số: 752/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số: 1557/BGDĐT-GDĐH ngày 21/04/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số: 77/NQ-HĐT ngày 02/03/2023 của Hội đồng Trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua phương hướng tuyển sinh đại học hệ vừa học vừa làm, thạc sĩ, tiến sĩ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số: 81/NQ-HĐT ngày 20/03/2023 của Hội đồng Trường về việc thông qua mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh,

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo thạc sĩ Luật đợt 2 năm 2023 như sau:

I. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (theo phần IV Thông báo này); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

(Tạp chí khoa học pháp lý cho công bố khoa học được quy định tại http://hdgsnn.gov.vn/files/anhbaiviet/files/2020/Danh%20muc%20tap%20chi/14_%20DMTC%20HDGSN%20luathoc%202020_0001.pdf)

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Phụ lục I của Thông báo này.

c) Ứng viên được xem đáp ứng yêu cầu có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Người dự tuyển chưa đạt điều kiện về năng lực ngoại ngữ theo quy định tại Phụ lục I của Thông báo này, trường hợp tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức phải có kết quả “đạt”.

2. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

II. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo dự kiến như sau:

Stt	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	16
2	8380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	14
3	8380108	Luật quốc tế	14

III. Hình thức, thời gian và chương trình đào tạo

1. Hình thức đào tạo: Chính quy.

2. Thời gian đào tạo: 1,5 năm đối với các chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

3. Chương trình đào tạo: Chương trình thạc sĩ chính quy định hướng nghiên cứu và chương trình thạc sĩ chính quy định hướng ứng dụng.

Cụ thể:

Stt	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	
1	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	Chính quy định hướng nghiên cứu	Chính quy định hướng ứng dụng
2	8380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Chính quy định hướng nghiên cứu	Chính quy định hướng ứng dụng
3	8380108	Luật quốc tế	Chính quy định hướng nghiên cứu	

IV. Danh mục ngành phù hợp của các chương trình đào tạo

Stt	Ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp
1	Luật hiến pháp và luật hành chính (MS.8380102)	- Luật (MS.7380101); - Luật hiến pháp và luật hành chính (MS.7380102);
2	Luật dân sự và tố tụng dân sự (MS.8380103)	- Luật dân sự và tố tụng dân sự (MS.7380103); - Luật hình sự và tố tụng hình sự (MS. 7380104);
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự (MS.8380104)	- Luật kinh tế (MS.7380107); - Luật quốc tế (MS.7380108);
4	Luật kinh tế (MS.8380107)	- Luật thương mại quốc tế (MS.7380109).

5	Luật quốc tế (MS.8380108)	
<p><i>Ghi chú: Danh mục mã ngành theo Thông tư số: 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.</i></p>		

V. Hồ sơ dự tuyển

- 1) Bản sao (có công chứng, chứng thực) Bằng tốt nghiệp đại học.
- 2) Đơn xin dự thi (theo mẫu).
- 3) Sơ yếu lý lịch (dán ảnh và đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú.
- 4) Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa.
- 5) 03 ảnh 3 x 4 (chụp không quá 6 tháng) có ghi đầy đủ các thông tin: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh đối với thí sinh đăng ký thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào và 02 ảnh 3 x 4 (chụp không quá 6 tháng) có ghi đầy đủ các thông tin: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh đối với thí sinh không đăng ký thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào.
- 6) Xác nhận của đơn vị nơi công tác đối với thí sinh dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng (nếu có).
- 7) Văn bằng, chứng chỉ minh chứng đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào (có công chứng, chứng thực) (nếu có).
- 8) Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (có công chứng, chứng thực) (nếu có).

VI. Phương thức, kế hoạch và quy trình tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển hồ sơ kết hợp với phỏng vấn của Ban chuyên môn;
- Xét tuyển hồ sơ kết hợp với phỏng vấn của Ban chuyên môn và thi tiếng Anh.

a) Phương thức xét tuyển hồ sơ kết hợp với phỏng vấn của Ban chuyên môn áp dụng cho Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh theo Phụ lục I của Thông báo này.

b) Phương thức xét tuyển hồ sơ kết hợp với phỏng vấn của Ban chuyên môn và thi tiếng Anh áp dụng Người dự tuyển chưa đạt năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo Phụ lục I của Thông báo này và có nguyện vọng tham gia kỳ thi tiếng Anh do Trường tổ chức.

Dạng thức đề thi: Đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh Bậc 3 theo nội dung Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam gồm 04 kỹ năng: Nghe, nói, đọc viết. *(Có thể tham khảo mô tả các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tại Thông tư số: 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)*

2. Kế hoạch tuyển sinh (dự kiến):

- 2.1 Phát và nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày: Từ ngày 07/08/2023 đến ngày 15/09/2023.
 - 2.2 Địa điểm phát và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng A 105) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 6; sáng từ 8g00 - 11g00; chiều từ 14g00 - 16g30).
 - 2.3 Lịch đăng ký thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: Đến ngày 21/08/2023.
 - 2.4 Lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: Ngày 26/08/2023.
 - 2.5 Công bố kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: Từ ngày 28/08/2023 đến ngày 31/08/2023.
 - 2.6 Lịch phỏng vấn đánh giá năng lực kiến thức ngành học: 22/09/2023.
3. Lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: 420.000 đồng/ 01 thí sinh.
 4. Lệ phí phỏng vấn: 420.000 đồng/01 người dự tuyển.

5. Thời hạn nộp lệ phí:

5.1 Thời hạn nộp lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: hết ngày 21/08/2023

5.2 Thời hạn nộp lệ phí phỏng vấn: hết ngày 15/09/2023

6. Phương thức đóng lệ phí xét tuyển:

7.1 Đóng trực tiếp tại Trường: Phòng B.105A

7.2 Chuyển khoản ngân hàng theo tài khoản của Nhà trường như sau:

- Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
- Số tài khoản: 1900 201 447 071
- Tại Ngân hàng: Agribank - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- Nội dung chuyển khoản: "Mã hồ sơ #Họ và tên học viên#Số điện thoại#Đóng lệ phí tuyển sinh CHL Khóa xxxxx

8 Quy trình xét tuyển gồm 02 bước:

- Bước thứ nhất: Xét hồ sơ

+ Đối với định hướng nghiên cứu căn cứ vào các kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thành tích nghiên cứu khoa học...số điểm tối đa là 70 điểm.

+ Đối với định hướng ứng dụng căn cứ vào kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm công tác...số điểm tối đa là 70 điểm.

- Bước thứ hai: Ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp người dự tuyển về các nội dung (kiến thức nền tảng khoa học pháp lý và hiểu biết về ngành đào tạo dự tuyển; kỹ năng) và kết quả phỏng vấn chiếm tối đa 30 điểm.

Thông tin về việc tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ là tiếng Anh, thời gian và địa điểm phỏng vấn người dự tuyển và các thông tin tiếp theo liên quan đến tuyển sinh sẽ được thông báo trên Website của Trường: <http://sdh.hcmulaw.edu.vn/vi/tuyen-sinh>

VII. Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học

1. Công bố kết quả thi tuyển sinh (Dự kiến): Từ ngày 02/10/2023 đến ngày 06/10/2023

2. Thời gian bắt đầu khóa học (Dự kiến): Ngày 13/11/2023

(Lịch học của tất cả các chuyên ngành vào các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 bắt đầu từ 18:15, Thứ 7 học cả ngày (buổi sáng bắt đầu lúc 7:30, buổi chiều bắt đầu lúc 13:30)

4. Địa điểm đào tạo: Số 2, Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP. HCM

5. Thời gian đào tạo: 1,5 năm đối với chương trình thạc sĩ chính quy định hướng nghiên cứu và chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng.

VIII. Chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Thông báo này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) cho kết quả phỏng vấn năng lực kiến thức ngành học của người dự tuyển.

Để được hưởng chính sách ưu tiên, thí sinh phải có đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ chứng minh về việc được hưởng chính sách ưu tiên tại thời điểm nộp hồ sơ. Nhà trường thực hiện việc xét và công nhận thí sinh đủ điều kiện hưởng chính sách ưu tiên trên cơ sở giấy tờ có trong hồ sơ dự thi của thí sinh vào thời điểm xét hồ sơ. Nhà trường không có trách nhiệm thông báo cho thí sinh về việc không có hoặc còn thiếu các loại giấy tờ chứng minh việc hưởng chính sách ưu tiên.

IX. Mức học phí

Tổng mức thu học phí của các chương trình đào tạo thạc sĩ niên khóa 2023-2025 với thời gian đào tạo 1,5 năm là 79.800.000 đồng, trong đó: Mức thu học phí của các chương trình đào tạo thạc sĩ năm học 2023-2024 là 37.500.000 đồng và mức thu học phí của các chương trình đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025 là 42.300.000 đồng.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Đào tạo Sau đại học – Trường Đại học Luật Tp.HCM, Số 02 Nguyễn Tất Thành, P.12, Quận 4, Tp.HCM – Điện thoại : 08.39400989 số nội bộ 118./v

Nơi nhận:

- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ts. Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC I

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2


Ghi chú: Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo



MẪU CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
(Kèm theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ

26 cm

18 cm

Mặt sau

<p>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom – Happiness</p> <p>CERTIFICATE OF PROFICIENCY</p> <p>IN(1)</p> <p>Level:.....(2)</p> <p>.....(3)</p> <p>This is to certify that</p> <p>Full name(4).....</p> <p>Date of birth(5).....</p> <p>Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam</p> <p>Date of Exam(6).....</p> <p>Overall Score(7).....</p> <p>Listening:(8)..... Reading:(8).....</p> <p>Speaking:(8)..... Writing:(8).....</p> <p>.....(9).....</p> <p>Decision number:(11).....</p> <p>Certificate number:(12).....</p> <p>Reference number:(13).....</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</p> <p>CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ</p> <p>Ngôn ngữ:(1)</p> <p>Bậc:.....(2)</p> <p>.....(3)</p> <p>Cấp cho</p> <p>Họ và tên(4).....</p> <p>Ngày sinh(5).....</p> <p>Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>Ngày thi(6).....</p> <p>Điểm thi(7).....</p> <p>Nghệ:(8)..... Đọc:(8).....</p> <p>Nói:(8)..... Viết:(8).....</p> <p>(9)..... ngày tháng năm..... (Ký, đóng dấu)(10).....</p> <p>Số Quyết định:(11).....</p> <p>Số hiệu:(12).....</p> <p>Số vào sổ cấp chứng chỉ:(13).....</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

26 cm

18 cm



Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi ngôn ngữ được cấp chứng chỉ.
- (2) Ghi bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- (3) Tên đơn vị cấp chứng chỉ.
- (4) Họ tên người được cấp chứng chỉ.
- (5) Ngày, tháng, năm sinh của người được cấp chứng chỉ.
- (6) Ngày, tháng, năm tổ chức thi.

- (7) Tổng điểm đạt được.
- (8) Điểm của từng kỹ năng.
- (9) Địa danh; ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ
- (10) Chữ ký và dấu của đơn vị cấp chứng chỉ.
- (11) Ghi số quyết định cấp chứng chỉ.
- (12) Ghi số hiệu chứng chỉ.
- (13) Ghi số vào sổ cấp chứng chỉ.

